

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH SỚ

QUYỂN 16

PHẨM 19: THÁNH HẠNH (PHẦN 4)

Đầu tiên, Như Lai trả lời rộng về các câu hỏi để phá bốn chấp ở trước. Văn có ba phần:

Rộng phá chấp Thường.

Lược phá chấp Lạc và Tịnh.

Rộng phá chấp Ngã là thường.

Thường và Ngã là đầu mối các chấp, cho nên rộng phá. Đầu tiên là phá Thường, văn có ba đoạn:

Nói lý của ngoại đạo sai trái.

Nói lời của ngoại đạo lầm lẫn.

Chánh đáp.

Thứ nhất lại có ba: nói sai trái, nêu lỗi và kết luận sai lầm. Đầu tiên như văn kinh ghi. Vì sao nói là sai trái, vì gượng chấp có Thường. Thường thì chẳng phải duyên sinh, đã duyên sinh thì vô thường. Nhưng các ngoại đạo lại chấp tự nhiên, chẳng phải từ duyên sinh. Nếu là tự nhiên thì pháp trần đối với ý mà khởi chấp này chẳng phải là duyên sinh hay sao? Cho nên ngoại đạo đều là vô thường.

Từ câu “Phật tánh vô sinh, v.v...” trở xuống là nêu lỗi tức nêu đúng đối với sai. Xưa nói vì đó là Phật tánh của quả tương lai nên chẳng sinh diệt. Nếu là duyên sinh tức sinh diệt. Ở đây nói chẳng phải như thế, nêu chánh đối với tà chấp.

Kết luận là sai trái: Chính là lý một đạo thanh tịnh. Tánh của Phật tánh là chẳng sinh chẳng diệt đâu chỉ giải thích là đương quả. Vì nghĩa này nên kết luận nghĩa ấy sai lầm.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là đoạn thứ hai nói về lời của ngoại đạo lầm lẫn. Văn có ba ý:

Nói về lời sai lầm.

Phá chấp.

Nêu đúng để bày sai.

Nói lầm lẫn, vì không thấy chân lý Phật tánh, Tam bảo nên điều nói ra sai lầm, chẳng chân thật. Nếu thấy lý này thì lời nói chân thật.

Từ câu “Các phàm phu v.v...” trở xuống là ý thứ hai phá chấp.

Trong lần tà chấp thứ tám mà ngài Văn-thù nêu ở trước là chấp hình tướng mặt đất, y phục, xe, v.v... đều là Thường, nay phá chấp Thường này.

Từ câu “Tất cả hữu vi v.v...” trở xuống là ý thứ ba chỉ ra điều sai.

Từ câu “Pháp hữu vi v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba, chánh thức đáp, có ba: một, là nói về hai môn sắc và tâm; hai, là nói về tâm vô thường; ba, chỉ nói về sắc vô thường.

Xưa nói tất cả pháp hữu vi đều gom vào ba nhóm, dẫn phẩm Phạm Hạnh nói: “pháp sắc, pháp phi sắc, pháp phi sắc phi phi sắc”. Trong đó, cho phi sắc phi phi sắc là nhóm vô tác, lại dẫn phẩm Thánh Hạnh rằng: “Bạch bốn lần Yết-ma, sau đó mới đắc”. Tức đắc vô tác. Nghĩa này chẳng đúng. Nói phi sắc phi vô sắc chính là Trung đạo xa lìa hai bên, xa lìa không hữu, chứ đâu phải vô tác; cho là vô tác hữu vi, lỗi này chẳng phải nhỏ. “Bạch bốn lần Yết-ma, sau đó mới đắc” đây là nói về thọ giới, đắc giới, chưa đủ để chứng minh trong đạo vô tác. Vì sao? Vì tác và vô tác đều thuộc về thiện hữu lậu. Các xiển-đề chỉ tin hữu tác, chẳng tin vô tác. Nếu y cứ theo giáo Tiểu thừa thì vô tác hữu lậu, nếu theo ý kinh này thì vô tác vô lậu. Như trước dẫn phẩm Thánh Hạnh: “Thọ giới vô tác làm chứng minh”. Thế nào là vô tác? Kia nói rằng: Nếu chẳng chấp nhận có nghĩa vô tác, vì sao vẫn sau lại nói: “Nói không có vô tác là tranh luận”. Đáp: Các sư Số Luận cho rằng vô tác là sắc; các Luận sư cho rằng vô tác là vô sắc. Chấp mỗi bên như vậy dẫn đến tranh luận. Nay ta lập luận rằng: Hữu tác, vô tác thì rốt cuộc chẳng chấp sắc, hướng chỉ mỗi bên lại chấp riêng. Ta lại nói rằng: Hữu tác hay vô tác, thì rốt cuộc chẳng nên khởi chấp nhất định. Tiểu thừa thì hữu tác, Đại thừa thì vô tác, nhờ đó sẽ không gây tranh luận. Và lại, vẫn chỉ nói về sắc và tâm, đâu gượng lập tác và vô tác. Như các sư Số Luận cho tâm là tâm vương, tâm sở thuận theo tâm vương mà khởi. Và lại, thực là tâm vương, tâm sở là tướng, v.v... sắc gồm mười một loại là năm căn, năm trần và vô giáo sắc. Các Luận sư cho rằng mười bốn sắc là năm căn, năm trần và bốn đại. Nhưng ở đây chỉ nói về bốn đại, năm sắc. Vẫn sau lại nói mười một sắc. Vì sao? Vì đáp đối nhau hiển bày một bên, không chỉ ở một nơi mà thôi.

Từ câu “Tâm là vô thường v.v...” trở xuống là đoạn thứ hai nói về tâm vô thường, có bốn ý: 1/ Nói về vô thường; 2/ Phá chấp Thường; 3/ Lặp lại vô thường; 4/ Lặp lại nghĩa phá chấp Thường.

1) Đầu tiên có nêu bốn câu:

Phan duyên khác nhau.

Sáu thức khác nhau.

Sáu trần khác nhau.

Tương ứng khác nhau.

2) Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là phần thứ hai phá chấp Thường, có bốn phần:

Nói chẳng phải chỉ có thức duyên.

Sáu thức lẽ ra chẳng khác.

Sở nhân lẽ ra chẳng khác.

Danh lẽ ra chẳng khác.

3) Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba lặp lại vô thường, có năm phần: Nói về ba Thánh tâm khác nhau; Nói về ba phàm tâm khác nhau; Nói về ba thọ tâm khác nhau; Nói về ba tâm độc khác nhau; Nói về ba loại tâm khác nhau.

Đầu tiên như văn kinh ghi. Ba tâm phàm khác nhau. Nói tại gia xa lìa nghĩa là thân sống ở tại gia mà tâm xa lìa thế tục.

4) Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là đoạn thứ tư lặp lại về ý phá chấp Thường, chính là tám phần phá chấp ở trước. Văn cũng có tám phần tuy không đối đãi nhau, nhưng hoặc phá ý trước, hoặc sinh khởi ý sau mà chẳng phá.

Tự nói thêm rằng: Bảy phần trước là phá ý trước, một phần sau là sinh khởi ý sau.

Lại có ẩn hiển khác nhau. Ẩn có bốn chẳng phá nhân quả, sát sinh, toán số, hình tướng mà lại thừa sinh ý sau là các câu đã làm, hay làm, sẽ làm, chẳng oán chẳng thân, vật của ta vật của người. Phần thứ tám cuối cùng là tổng kết nói vô thường.

Nay nói thêm rằng: Cho nên chỉ có phần thứ nhất phá phần thứ ba chuyên niệm; Phần thứ hai phá phần thứ tư là nhớ nghĩ; Phần thứ ba phá phần thứ bảy là đọc tụng; Thừa ra phần thứ tư, thứ năm, thứ sáu; Phần thứ bảy phá phần thứ năm tu tập; Phần thứ tám phát sinh ý sau cũng là thừa. Văn kinh mỗi đoạn đều có ẩn hiển, đó đều là tùy nghi, phàm phu chẳng thể so lường được.

Từ câu “Nay ta đối với sắc pháp v.v...” trở xuống là đoạn ba, chỉ nói sắc là vô thường. Có hai ý: Một, kết luận ý trước, hai là phát khởi

văn sau.

Từ câu “Sắc này vô thường v.v...” trở xuống là nói về vô thường, gồm mười câu:

Lúc mới sinh khác nhau.

Thời gian khác nhau.

Giai vị khác nhau.

Năng lực khác nhau.

Hình dáng khác nhau.

Quả báo khác nhau.

Tên gọi khác nhau.

Hoại và hợp khác nhau.

Thứ lớp sinh khác nhau.

Thứ lớp diệt khác nhau.

Tất cả đều nêu ngoại để đối luận với trung gian, hoặc lược nêu trước sau để đối nhau.

Từ câu “Nếu vô thường v.v...” trở xuống là ý thứ hai phá năm phần chấp lạc, ba phần chấp tịnh ở trên. Có hai phần, trước là chánh phá, sau là chỉ ra đã đáp ở trên.

Nói vô thường tức khổ là phá chấp lạc. Nếu khổ tức bất tịnh là phá chấp tịnh.

Nhân Ca-diếp hỏi ta đã trả lời ở trên. Có ba cách giải thích:

Thứ nhất, Khai Thiện cho rằng trong phần nói về Tuệ Thánh Hạnh của bốn Đế ở trên, đầu tiên nói Khổ đế, cho năm ấm đều là khổ, Ca-diếp bèn nêu các câu hỏi nói có duyên của lạc và nhân của lạc, theo đó thì lẽ ra phải có lạc, không phải khổ. Đức Phật sau đó trả lời trong khổ cũng nghĩ là vui một cách ngang trái. Đó tức là đã trả lời.

Thứ hai, Dung Thành cho rằng trong phẩm Như Lai Tánh nói Phật có tánh chân ngã, Ca-diếp liền nêu mười hai câu hỏi để tìm hiện dụng; Đức Phật bèn nêu dụ hạt châu trên trán lược sĩ v.v... để đáp rồi.

Thứ ba, các sư phần nhiều y cứ theo phần cuối của phẩm Trường Thọ Ca-diếp hỏi: Thế gian cũng nói Phạm thiên là thường có khác gì với Phật nói? Phật đáp: Là ngoại đạo trộm được lời này, giống như dụ trộm trâu. Cho nên nói đã đáp. Trong lời ghi của Hà Tây tức là đã đáp trong quyển bảy.

Các sư Trung Quán cho rằng trong phẩm Tứ Đảo có nói đủ các điền đảo như tịnh, lạc, v.v... Trong đó lại chẳng còn phá suốt tất cả, chỉ lược phá lạc, tịnh, cho nên nói là đã đáp ở trên.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là đoạn ba nói về vô ngã

để đáp sáu phần chấp ngã ở trên. Văn có hai phần:

- Nói chung về vô ngã.
- Chính thức phá chấp.

Kế là giải thích hai chương. Trong phần phá chấp Thường ở trước cũng theo thứ lớp là nêu lên và giải thích. Trước giải thích thì nói rộng, còn ở đây trong chương giải thích thì lược. Trước cũng y cứ theo sắc tâm để phá thường, ở đây phá ngã cũng y cứ theo sắc tâm.

Từ câu “Sắc tức chẳng phải ngã v.v...” trở xuống là giải thích môn thứ nhất, trước nói sắc chẳng phải ngã.

Vì sao sắc chẳng phải ngã? Vì phá hoại được.

Từ câu “Pháp phi sắc v.v...” trở xuống là giải thích chương Phi Sắc.

Phi sắc tức tâm, tâm thì không nhất định, vì từ cảnh sinh. Lạc duyên tâm, thì tâm liền có lạc; khổ, chẳng khổ chẳng lạc cũng giống như thế. Đã từ duyên nên vô thường vô ngã.

Từ câu “nếu các ngoại đạo v.v...” trở xuống là phần thứ hai chánh phá chấp. Trên có tám phần chấp, ở đây lại có chín phần, cũng không có chính thức đối nhau từng cặp. Nay chỉ tùy cơ khác nhau, chẳng phá câu thứ nhất là tạo tác, câu thứ tư là tác nghiệp, thừa câu thứ nhất là chuyên niệm, câu thứ hai là nhớ nghĩ, câu thứ bảy là ba pháp. Cho nên câu thứ ba phá câu thứ bảy ở trước, câu thứ tư phá câu thứ tám, câu thứ năm phá câu thứ sáu ở trước, câu thứ sáu phá câu thứ năm ở trước, câu thứ tám phá câu thứ hai, câu thứ chín phá câu thứ ba ở trước. Chẳng theo thứ lớp, chỉ nêu câu nào phá câu nấy chứ không có ý gì khác.

Từ câu “Này Thiện nam! Các ngoại đạo này v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba kết luận quả trách lỗi lầm. Gồm có hai dụ: thứ nhất là dụ đứa bé, thứ hai là dụ cho người mù bẩm sinh. Đứa bé dụ cho hạnh sai lầm, người mù dụ cho giáo sai lầm.

Như đứa bé suốt ngày chỉ lo đùa giỡn mà chẳng biết giữ gìn gia nghiệp, ngoại đạo cũng giống như thế, làm những việc vô ích, khổ tâm chẳng thành tựu tịnh hạnh, cho nên nói không có tuệ phương tiện.

Như người mù bẩm sinh chỉ nghe được bốn thí dụ mà chẳng biết được màu sắc chân thật của sữa. Ngoại đạo cũng giống như thế, thăm tin Vi-đà đâu biết được thường lạc, cho nên văn kinh ghi: “Mà hỏi người khác, v.v...”.

Từ câu “Văn-thù bạch Phật v.v...” trở xuống là phần thứ hai nói về viên tuệ. Xưa nói phá mê chấp bốn Đế, hai Đế, một Đế. Lại nói phá tâm phân biệt ở trước, là nói về rốt ráo thanh tịnh, không có chỗ chấp

đấm. Các nghĩa này chẳng đúng. Vì trước nêu chương nói thứ lớp năm hạnh, hai hạnh giới, định còn không phá chấp đấm, chứ đâu chỉ tuệ hạnh. Tuệ hạnh bị phá thì giới, định tự phá. Ba hạnh bị phá tức là phá hạnh Thánh, hạnh Thánh bị phá thì năm hạnh cũng phá, nếu năm hạnh phá thì không có chỗ tu tập, không tu tập thì không chứng, không chứng thì phá mười công đức. Nghĩa này chẳng đúng, nên biết văn này nói về hạnh viên tuệ. Văn có bốn:

- Phát khởi.
- Chánh nói.
- Lãnh thọ, tin hiểu.
- Kết chương.

Trong phần phát khởi không nói bốn Đế, hai Đế mà chỉ nói nhất thật. Vì sao biết được? Khi xưa trong giáo đầu tiên là thuộc về Tích pháp Tứ đế. Trước đã có nói thì chẳng phải ít có, cũng chẳng phải là vô thượng. Cho nên, theo thứ lớp sau đó phát khởi viên tuệ.

Chánh nói có hai: một, là nói về chẳng Niết-bàn chỉ bày viên tuệ; hai là y cứ theo chẳng còn chuyển để chỉ bày viên tuệ.

Chẳng Niết-bàn có ba ý: một, là chỉ thẳng; hai, là y cứ theo chẳng chuyển; ba, là Như Lai, hư không theo chiều dọc để chỉ bày.

Chỉ thẳng có hai ý: một, là nói vì sao; hai, là chỉ chân lý.

Nói Vì sao là có hai ý: một, gọi gấm ngài Văn-thù, than trách là chưa đạt nên nói là vì sao. Hai, là hỏi ngài Văn-thù vì sự chưa đạt này mà làm đầu mỗi phát khởi, nên nói là Vì sao.

Kế là chỉ chân lý, như văn kinh ghi.

Thứ hai, Từ câu “Này thiện nam! Nếu chấp có ngã, v.v...” trở xuống là nói chẳng chuyển, trải qua các việc theo chiều ngang để chỉ viên tuệ. Nói chẳng chuyển là trải qua bảy việc: chẳng quả, chẳng nhân, chẳng chuyển, chẳng sinh, chẳng xuất, chẳng tác và chẳng tạo đều là ngay nơi sự mà lý, đều là thường trụ.

Từ câu “xoay bánh xe pháp, v.v...” trở xuống là theo chiều dọc kết thành viên tuệ thường trụ.

Hoặc cho rằng Như Lai là y cứ theo quả lý, Phật tánh là y cứ theo nhân lý, còn hư không thì chung cho nhân quả.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về chẳng còn xoay bánh xe pháp. Có hai ý:

- Vì khác nên chẳng còn chuyển.
- Vì đồng nên chẳng còn chuyển.

Thứ nhất đã có hai việc khác thì đâu được nói là còn. Về khác có

tám câu: ngôn ngữ khác; chúng khác; căn khác; đức khác; lợi ích khác; chủ thỉnh khác; sở thuyết khác; âm thanh biến khác.

Đầu tiên, xoay bánh xe pháp là vì năm vị Tỳ-kheo: Kiền-trần-như, Thập Lực Ca-diếp, Bạt-đề, Át-bệ, Ma-Nam-câu-lợi. Ở đây là nói chung.

Từ câu “Lại nữa, hễ có người nói, v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói vì đồng cho nên chẳng còn, có ba phần là pháp, dụ và kết. Thứ nhất trong pháp nói đồng cho nên không còn.

Từ câu “Thí như v.v...” trở xuống là giải thích không còn. Gồm có ba dụ: dụ thứ nhất, nói sinh thiện diệt ác; thứ hai là chỉ diệt ác; thứ ba, là chỉ sinh thiện, các nghĩa này đồng nhau cho nên không còn.

Từ câu “Vì thế v.v...” trở xuống là ý thứ ba kết luận chẳng còn.

Từ câu “Bấy giờ v.v...” trở xuống là phần thứ ba thọ lãnh tin hiểu, phát khởi thù tích.

Từ câu “Bấy giờ v.v...” trở xuống là phần thứ tư, kết luận.

Đầu tiên là đối luận với Ca-diếp, khoảng giữa là đối đáp với ngài Văn-thù, nay đến tuệ thánh đã xong, lại đối đáp với ngài Ca-diếp, thật khéo léo từ đầu đến cuối.

Từ câu “Ca-diếp v.v...” trở xuống là thứ hai, giải thích tên gọi của hạnh.

Hỏi: Vì sao sau giới tuệ đều có giải thích tên của hạnh, còn về định hạnh lại không có?

Đáp: Đầu tiên và cuối cùng đã giải thích, khoảng giữa đã lược bỏ, nên không có. Văn kinh này có bốn đoạn. Trước Đức Phật đã tổng hợp, tức là kết luận chung đã xong. Bấy giờ, thứ nhất là ngài Ca-diếp hỏi.

Thứ hai Như Lai kết luận riêng.

Thứ ba, Ca-diếp hỏi.

Thứ tư Như Lai khai và kết thứ lớp năm hạnh.

Năm hạnh này vốn là năm hạng người bị bệnh hành xứ. Nói pháp môn này hàng Nhị thừa đạt được nghĩa hữu tu, tức Thanh văn, Duyên giác nghe như thế rồi sẽ cung kính thực hành theo, nên gọi là Thánh hạnh. Vả lại, có Biệt Bồ-tát căn tánh chuyết độ, theo thứ lớp tu tập, cũng gọi là hạnh Thánh. Nếu là sở hành của chư Phật, Thế Tôn, thì gọi là hạnh Thánh. Đó là kết viên hạnh. Như Lai thực hành pháp này cho nên chẳng lập Đối trị. Gặp hay chẳng gặp đều được lành bệnh. Đó là chánh thức kết luận về người và pháp môn này. Xưa nay chưa thấy ý kết thúc này, nên chẳng lập hai cách giải thích theo Biệt Viên. Nếu hàng Nhị thừa và hàng biệt căn tánh bị bệnh hành xứ nghe Phật nói mà tu tập thì

lành bệnh, không tu tập thì không lành, đây là kết hạnh thứ tư.

Từ câu “vị Đại Bồ-tát v.v...” trở xuống là thứ hai nói về quả tuệ hạnh. Văn có năm:

- Nêu tên gọi của địa.
- Giải thích nghĩa địa.
- Nói về thể của địa
- Nói về dụng của địa
- Kết hạ địa so sánh với Thượng địa.

Thứ nhất như văn kinh.

Xưa nói đạt được tuệ quả thì được hai địa, tức Vô úy địa, là từ Sơ địa đến Lục địa; từ Thất địa đến Pháp vân địa gọi là Tự Tại Vương địa. Sở dĩ được quả của hai địa này là Tuệ hạnh dứt phiền não, thông đạo nhanh nhẹn, nhạy bén. Ở đây cho là chẳng phải như thế. Vả lại, hai hạnh giới, định chẳng dứt hoặc, thông đạo chậm, lụt. Vì sao? Xưa cho rằng Bất động và Kham nhẫn đều là Sơ địa, tên khác mà thể đồng, nếu đồng thì quả giới, định sao chẳng phải là Nhị địa thông đến Pháp Vân địa. Nay nói chỉ là một địa tự tại vãng sinh, chính là Dụng Vô úy, chẳng nên chia ra hai địa.

Từ câu “Nếu có Bồ-tát, v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa của địa.

Văn kinh này hợp với kinh Thập địa. Địa kinh cho rằng Sơ địa là năm thứ sợ hãi. Nay văn kinh này cũng như thế, chỉ tên gọi hơi khác mà nghĩa thì đồng. Trong đó nói chẳng sợ tham, sân, si v.v... là thuộc Vô bất hoạt ý, Vô tử úy. Chẳng sợ đường ác v.v...” trở xuống là thuộc vô ác đạo úy. Nói ác có hai loại v.v... trở xuống là thuộc vô ác danh úy. Cũng chẳng còn sợ Sa-môn v.v... trở xuống là thuộc Vô đại chúng oai đức úy. Vô tử úy tức Thường, Vô bất hoạt và Ác đạo úy là Lạc; Vô ác danh úy tức là Tịnh, Vô Đại chúng úy tức là Ngã. Có đủ bốn đức, không có năm việc sợ hãi, nên ở địa này gọi là Vô úy địa.

Từ câu “Cũng chẳng còn sợ v.v...” là thứ ba nói về thể của địa, Văn có ba ý:

Nêu vị mà thể đã nhập.

Từ câu “này người thiện nam, trụ vô úy, v.v...” trở xuống là nêu ra sở chứng của thể.

Từ câu “Đó gọi là v.v...” trở xuống là kết luận.

Thứ nhất như văn kinh ghi.

Kế là nói về sở chứng, ở địa này được hai mươi lăm Tam-muội nên gọi là Tam-muội Vương. Tất cả Tam-muội đều nhập vào trong ấy,

tức là Tam-muội Trung đạo Đệ nhất nghĩa gom giữ các Tam-muội, như Tam-muội Tục đế, Tam-muội chân đế đều nhiếp thuộc vào đó, nên được gọi là Vương. Nhất đế, Tam đế tức thể của nó. Xưa nói hai mươi lăm Tam-muội dứt trừ được hoặc ba cõi, nên Bồ-tát Lục địa gọi là Vô úy địa đồng với A-la-hán. Nay chẳng theo nghĩa này. Nếu Nhị thừa dứt hai mươi lăm Hữu được gọi là Vương thì có thể cho là đồng, đã chẳng được gọi là Vương thì đâu thể nói là đồng. Văn kinh nói hạnh Thánh thì đó là hạnh của chư Phật, chẳng phải cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác, nên đâu thể gọi là đồng. Vả lại, Bồ-tát Lục địa dứt trừ các hoặc trong ba cõi, là Bồ-tát Thông giáo, chẳng phải ý nghĩa văn này. Các sư lầm dùng không tương quan gì đến ở đây. Giải thích hai mươi lăm Tam-muội thì như Pháp Hoa Huyền Văn quyển bốn có nói, trong đó giải thích hai mươi lăm, mỗi thứ đều có ý bốn Tất-đàn. Tuy có hai mươi lăm loại, nhưng đều là Vương. Vì giải thích khác nhau, cho nên đặt tên khác nhau, đó là ý thế giới tất-đàn, trong hai mươi lăm Tam-muội, các Tam-muội như Nhật quang, Nguyệt quang v.v... là ý Vị nhân Tất-đàn, các Tam-muội như Bất thối, Tâm lạc, v.v... là ý Đối trị Tất-đàn; như các Tam-muội Thường, Lạc v.v... là ý Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Mỗi Tam-muội đều có bốn ý: một, là nói về lỗi lầm của các hữu, như ba hoặc; hai, công đức của bản pháp là Tu ba Đế Tam-muội; ba, là kết luận thành tựu các hạnh, tức thành tựu Tam-muội nhập Sơ địa; bốn, từ bi phá các hữu liền được lên Sơ địa thì sẽ hiện thân khắp mười pháp giới, vào khắp các hữu, giúp người khác cũng phá được các hữu. Người xưa giải thích ý này hoàn toàn không có ý nghiêng về một bên.

Từ câu “Này Thiện nam! Bồ-tát nhập các Tam-muội vương như thế, v.v...” trở xuống là phần thứ tư nói về dụng của địa. Có hai ý: một, là nói về lực dụng tự tại; hai, là nói sinh dụng tự tại. Lực dụng tự tại có ba cặp: Thứ nhất là cặp y chánh. Tu-di là y báo, tâm chúng sinh là chánh báo. Thứ hai là một cặp tự tha. Nạp người vào mình, hóa mình thành người. Thứ ba, ít nhiều thành một cặp rất dễ thấy.

Kế là nói về sinh dụng, đầu tiên nói chung về sinh các xứ, tức mười giới xứ.

Kế là, nơi sinh riêng, tức là mười cõi.

Phá núi Tu-di, bao trùm thế giới, tán hợp mười phương mà chẳng nhiễm, ở nơi địa ngục mà không khổ, đó là dụng của địa.

Từ câu “Này Thiện nam là kết đoạn năm v.v...” trở xuống là so sánh thấp với cao, như văn kinh ghi.

Hỏi: Công đức của các Bồ-tát đều bình đẳng, vì sao lại có cao

thấp khác nhau?

Đáp: Xưa nói bình đẳng trong bình đẳng đều đồng chẳng khác nhau, không bình đẳng trong bình đẳng, cho nên lại có sâu cạn. Hưng Hoàng cho rằng: “Nếu nói theo chiều ngang thì một địa có đủ các công đức; nếu nói theo chiều dọc thì có cao thấp. Ngang dọc cũng giống như thế, đâu có nhất định, dựng lên tức đứng thẳng dọc, v.v...”

Từ câu “Bấy giờ, trong chúng v.v...” trở xuống là chương hai, khen ngợi kinh. Kinh nói về hạnh Thánh. Nếu y giáo vâng giữ thì đối phạm thành Thánh, nên đáng được khen ngợi. Văn có bốn ý:

1. Khen ngợi giáo không cầu nhiễm.
2. Như Lai nói lại lời khen ngợi.
3. Ca-diếp tự thệ nguyện.
4. Như Lai nói lại lời thệ nguyện.

Khen ngợi giáo có hai: Một, lời của các nhà dịch kinh; hai, là khen ngợi giáo.

Đầu tiên các nhà tập kinh thuật về nội đức và oai nghi bên ngoài. Nội đức thì có đại oai đức, tức nói chung thể dụng của Vô úy địa. Oai là đức dụng bên ngoài, đức là nội chứng, nội đức ngoại đức đều đầy đủ, nên nói: “có đại oai đức”. Nói đại thần thông là khen ngợi ngoại dụng. Như Tự tại địa có dụng dời núi lấp biển, được đại tổng trì tức được hai mươi Tam-muội Vương, giữ gìn các Tam-muội. Được vô sở úy thì đầy đủ như Phật đã nói. Các công đức như trên đều đã đầy đủ, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi là nói về oai nghi bên ngoài.

Từ câu “Bạch Thế Tôn v.v...” trở xuống là chánh thức khen ngợi giáo. Có hai: Trước là lãnh thọ ý chỉ của Phật, kết luận so sánh bậc dưới với trăm ngàn công đức của bậc cao.

Kế là khen ngợi giáo Biệt viên thứ lớp và chẳng thứ lớp nói ở trên.

Vì sao cho rằng chư Phật, Thế Tôn chẳng bằng kinh Đại thừa? Vì kinh Đại thừa là mẹ chư Phật, mẹ sinh ra con, cho nên giáo ấy được sáng tỏ tôn sùng. Kinh nói do năng lực của Phương đẳng nên sinh ra chư Phật; nếu y cứ theo đạo chẳng thể tự mở mang truyền bá, thì Phật năng thuyết giáo, vậy Phật hơn giáo. Phật năng hoàng giáo là nói theo hóa tha, giáo sinh ra Phật là nói theo tự hành. Tạng Vương khen ngợi ở trên là y cứ theo tự hành.

Từ câu “Bấy giờ v.v...” trở xuống là ý thứ hai, Như Lai nói lại lời khen ngợi, có ba câu: một, là thuật lại; hai, là giải thích; ba, là kết luận. Thứ nhất, văn kinh ghi.

Kế là giải thích, gồm có phần thuyết pháp, khai dụ và hợp.

Khai Thiện cho rằng đó là dụ cho năm thời giáo. Trong đó, Phật hợp với Bồ, lưu xuất ra mười hai loại kinh là chỉ cho thời giáo đầu tiên; Tu-đa-la chỉ cho Bát-nhã, vì Tu-đa-la là pháp bản, Bát-nhã là hạnh bản, Phương đẳng chỉ cho các kinh Tịnh Danh, Tư Ích vì khen ngợi Bồ-tát. Bát-nhã là Pháp Hoa, vì kinh Pháp Hoa nói về Đại tuệ bình đẳng, Đại tuệ bình đẳng là Bát-nhã. Còn Niết-bàn có thể tự hiểu. Lại nói Bát-nhã đầu tiên nói trong mười hai năm, cuối cùng thì gần với Niết-bàn, tức sau Pháp Hoa, rồi dẫn phẩm Tất Cánh trong Thích luận để chứng thành. Cho nên, Tu-đa-la tức kinh Tịnh Danh, Phương đẳng là Pháp Hoa, Bát-nhã là Bát-nhã. Chiêu-đề cho rằng: Ba thời là trước nói về giáo, hai thời sau là nói về lý; ba giáo là mười hai thể loại kinh tức là tạng Tiểu thừa, Tu-đa-la tức Tạp tạng, Phương đẳng là Bồ-tát tạng. Phật dạy chẳng ngoài ba tạng này. Hai lý tức Bát-nhã là nhân, Niết-bàn là quả, tu hành nhân Bát-nhã thì được quả Niết-bàn.

Hưng Hoàng cho rằng: Phật nói pháp gồm mười hai thể loại kinh, học được mười hai loại này là thông suốt được Tu-đa-la, biết các pháp bản tức thông Phương Đẳng, đạt Phương Đẳng thì sinh ra Bát-nhã, Bát-nhã đã sinh thì rõ biết Niết-bàn.

Các Sư Trung Quán cho rằng: Đầu tiên là từ nhiều nói về ít, từ rộng nói về lược. Đầu tiên khen ngợi mười hai thể loại kinh, mười hai thể loại có cả Đại và Tiểu, đó là chung. Lại khen ngợi riêng Tu-đa-la, lại lấy Tu-đa-la làm chung mà khen ngợi riêng Phương Đẳng, Phương Đẳng chưa phải là ít có, nên lại khen ngợi riêng Bát-nhã, trong Bát-nhã lại khen ngợi một câu Phật tánh của Niết-bàn. Như từ bò sinh ra sữa cho đến thành đề hồ, cho nên Niết-bàn là cuối cùng.

Các nghĩa này chẳng đúng, vì sao? Vì mười hai thể loại kinh có cả Đại và Tiểu, đâu chỉ có Tiểu thừa. Vả lại, nếu cho mười hai thể loại kinh là giáo đầu tiên, mà giáo Tiểu thừa đâu phải là giáo đầu tiên nên chẳng thể sử dụng. Vì sao lại cho Tu-đa-la là Bát-nhã, các kinh khác chẳng có văn xuôi ư? Sao lại lấy Bát-nhã làm Pháp Hoa, danh đã chẳng đúng thì nghĩa làm sao hợp? Dù cho Bát-nhã gần với thời Niết-bàn, thì thời giáo thứ tư trái với thứ lớp năm thời.

Chiêu-đề cho rằng đó là ba giáo hai lý, nhưng văn này thuật lại lời khen ngợi giáo, vì sao phải dụ cho lý, nếu đúng như lời Chiêu-đề nói thì đó là khen ngợi kinh khác, chứ chẳng khen ngợi giáo này. Còn như lời Hưng Hoàng nói thì đó là theo thứ lớp sinh giải chứ chẳng phải khen ngợi giáo. Bồ-tát Tạng Vương nói: “chư Phật có vô lượng công đức,

nhưng chẳng bằng kinh Đại Bát-niết-bàn”. Nếu nói từ giáo sinh giải thì chẳng phải ý khen ngợi của văn này. Như lời các sư Trung Quán là từ rộng đến lược mà cho cuối cùng là cao siêu, nhưng văn kinh ghi: “Đề hồ là trên hết, tất cả vị thuốc đều chứa đựng trong đó”. Nếu nói rộng thì đâu hơn lời này, đã là rộng thì chẳng được khen ngợi.

Các sư đều muốn bao gồm, thâm nhiếp mà chẳng biết phân tích, chia chẻ nên lạc mất chánh tông, thí như đến Hàm Đan học tập, hai hạnh đều chẳng đạt được gì. Nay y cứ theo kinh, tức như Tạng Vương nghe Phật nói Biệt giáo theo thứ lớp, Viên giáo chẳng thứ lớp. Giáo thứ lớp thì phát sinh công đức của Bồ-tát Tiệm hạnh, giáo chẳng thứ lớp thì sinh ra công đức của chư Phật. Vui mừng khen ngợi cả hai giáo, Phật lại giúp sức cho niềm vui ấy nên kể lại và khen ngợi. Nếu thứ tự nương nhau sinh khởi đến chỗ tột cùng huyền diệu thì càng thêm được khen ngợi.

Bồ dụ cho chủ của giáo Niết-bàn, sữa dụ cho Giới Thánh hạnh, lạc dụ cho Định Thánh hạnh, bơ sống là Tuệ Thánh hạnh của bốn Đế, bơ chín dụ cho Tuệ Thánh hạnh của hai Đế, đề hồ dụ cho tuệ Thánh hạnh của Nhất thật đế. Như thứ lớp năm vị thì đề hồ là quý nhất, còn năm hạnh dần dần chuyển đến hạnh sâu xa lìa nhất thật, nên nói tối thắng tối thượng. Đây là nói lại lời khen ngợi Nhất thật giáo kia. Nếu chỉ nói thật tuệ, thì nhất tuệ tức tất cả tuệ là pháp giới, gồm thâm tất cả tuệ, chẳng do thứ lớp. Phật tức là đề hồ nhiệm mầu trên hết, tất cả các vị đều hòa hợp trong đó; Như Lai tức người đề hồ; Nhất thật đế là pháp đề hồ. Người đề hồ nói pháp đề hồ, pháp đề hồ thành tựu cho người đề hồ. Người và pháp là một chẳng hai, trong đó các pháp đều là đề hồ. Thứ lớp và Nhất thật là một không hai; khen ngợi nhất thật của năm hạnh tức khen ngợi năm thật của nhất thật. Giải thích như thế thì hai nghĩa là thứ lớp và khen ngợi giáo đều thành. Nếu theo thứ lớp trong một đời giáo hóa, thì từ Phật lưu xuất ra mười hai thể loại kinh là chỉ cho thời Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm là đầu tiên tức mười hai thể loại kinh. Tu-đa-la là một tạng trong ba tạng. Vì chúng sinh chẳng kham nhận Đại thừa, nên phải nói giáo Tiểu thừa. Giáo Phương Đẳng bác bỏ Tiểu chê trách Thiên, xưng dương Đại, khen ngợi Viên giáo Bát-nhã thì ba hạng người đồng được nghe mà chỉ trở về Nhất thật, dẫn Tiểu trở về Đại, tiếp Thiên thành Viên và trụ trong phương tiện, tức chưa chứng được Tiểu quả thì cho phép học chung đạo Ma-ha-diễn. Đại Bát-niết-bàn là giáo cùng tột; tức đã trụ ở Tiểu quả, bác bỏ ba tu mà nói Thường Lạc cao siêu. Nếu thế vì sao chẳng nói Pháp Hoa. Pháp Hoa phá Tiểu quả, diệt

Hóa thành, dẫn đến đảo châu báu, đồng với Niết-bàn. Vả lại, vào thời Như Lai Ca-diếp, hai muôn Đức Phật Đăng Minh đều nói Pháp Hoa, cho là giáo cùng tột mà chẳng nói Niết-bàn. Nay đức Thích-ca thù tích vào đời ác trước, cần lấy tên khác để hiển rõ thường lạc, hai giáo đồng cùng tột, nên chẳng nói Pháp Hoa là ý ở đây. Vả lại, phần trước vì ít người thuần thực nên dùng Pháp Hoa để thành thực cho họ, phần sau chưa thành thực nên dùng Bát-nhã đào thải, nay lại dùng Niết-bàn để thành thực. Thích luận ghi: “Bát-nhã đến sau Pháp Hoa”, tức là nghĩa này. Khen ngợi giáo này cũng trái với thứ lớp một đời giáo hóa, giới là đầu của Thánh hạnh, bao gồm rất rộng như văn kinh đã nói, lại đồng nghĩa với sở chiếu nói trong kinh Hoa Nghiêm. Định là chánh của Thánh hạnh, đồng với nghĩa định tạng trong Tu-đa-la. Tuệ Thánh hạnh của Tứ đế dùng ba tu đại Niết-bàn để bác bỏ sự sai lầm của Tiểu vô lậu, hợp với nghĩa quả trách của Phương Đăng. Tuệ thánh hạnh của hai Đế thì chân tục tức nhau, hợp với nghĩa ngay nơi sắc là không của Ma-ha-diễn. Tuệ hạnh của Nhất thật đế tức là giáo Niết-bàn. Có thể biết như thế thì thứ tự một đời giáo hóa và một bộ kinh đều thành tựu, ý nghĩa không trái nhau.

Từ câu “Vì nghĩa này v.v...” trở xuống là đoạn ba, kết luận khen ngợi.

Từ câu “Ca-diếp bạch rằng v.v...” trở xuống là phần thứ ba, Ca-diếp tự nguyện, có ba ý: một, là lãnh thọ; hai, là thương xót người; ba, là tự thệ nguyện.

Tự thệ có bốn ý: một, là thệ dùng da, xương của thân chánh báo làm giấy bút để truyền bá và giữ gìn năm hạnh.

Thứ hai, là thệ dùng tiền tài y báo làm cho người no đủ, khiến kinh được truyền bá.

Thứ ba, là thệ dùng trí lực chiết phục nhiếp thọ.

Thứ tư, là thệ đối với người đồng ưa thích thì dùng hết ba nghiệp thờ kính họ.

Từ câu “Bấy giờ v.v...” trở xuống là thứ tư, Phật nói lại lời thệ, gồm có ba ý: Một, là khen ngợi; hai, là thọ ký; ba, là ấn chứng. Thứ nhất là khen ngợi.

Từ câu “Nay ông v.v...” trở xuống là thọ ký, có hai: một, là thọ ký vượt lên tu hành thành đạo quả.

Hai, là thọ ký xoay bánh xe pháp.

Từ câu “Về quá khứ v.v...” trở xuống là dẫn chứng, có hai đoạn: một, là dẫn xưa; hai, là ấn chứng cho hôm nay. Dẫn việc xưa, có ba:

một, là nói về hạnh khi xưa của Bồ-tát; hai, là nói về các vị trời mưu bàn; ba, đến ép ngặt thử thách để trình bày. Nói về hạnh xưa, như văn kinh ghi.

Từ câu “Ta tu tập v.v...” trở xuống là các vị trời mưu bàn.

Hai bánh xe dụ cho phước và đức.

Từ câu “Này Đại tiên v.v...” trở xuống là ép ngặt thử thách, đầu tiên là dụ ba cách thử: đốt, đập và mài.

Kế là hợp với ba cách thử: một, là nói nửa bài kệ để thử xem có trí hay không có trí; nếu biết được văn nghĩa chưa hết thì là người có trí; nếu chẳng biết thì là kẻ vô trí. Hai, thị hiện thân đáng sợ để thử xem có sợ hay không sợ, nếu tâm vững chắc, chẳng sinh sợ hãi; nếu tâm yếu đuối thì sợ hãi. Ba, là đòi thân mạng để thử có xả bỏ hay không.

Nửa bài kệ, chỉ nói về vô thường, mà chưa nói thường, nên nói là nửa bài. Hữu vi có ba tướng, vì sao chẳng nói sinh diệt mà chỉ nói trụ? Có người giải thích rằng vì bài kệ chỉ có bốn câu, quá ngắn cho nên lược bớt.

Hỏi: Nếu lược vì sao chẳng lược các chữ khác?

Đáp: Việc này cũng có ý nghĩa của nó, vì pháp trụ chẳng hiển bày được sự đời đổi còn mất của sinh diệt mà chỉ hiển bày sự đầu cuối và khoảng giữa nên lược bớt.

Hỏi: Ba tướng đời đổi đâu thể có trụ, trụ tức là Thường, Thường thì chẳng đời đổi và khác với vô thường.

Đáp: Nói đây là trụ của vô thường, nhưng ba tướng tự là vô thường, mà có trụ của vô thường cũng nên có Thường của vô trụ.

Kinh nói nghĩa “không” mà bài kệ này nói về “Không Thường”, đâu phải là “không”? Các sư xưa giải thích rằng vô thường chẳng phải là “không”, nhưng “Không” này là phương tiện, sau đó mới được không. Cách giải khác rằng: Vô thường là tên khác của “không”. Kinh Đại Phẩm ghi: “Vô thường tức là tướng động, tướng động tức tướng “không”. Kinh Tịnh Danh ghi: “Bất sinh bất diệt là nghĩa vô thường”. Nay cũng vô thường là nghĩa bất sinh bất diệt.

Nói vắng lặng là an vui. Thể của Niết-bàn chẳng sinh chẳng diệt, mà nay nói tịch diệt là lạc, thì cũng được nói sinh diệt, sinh rồi thì tịch diệt, sinh là an vui hay chẳng?

Đáp: Người nhậm đạo thì lệ với ở đây, người không nhậm đạo thì không lệ, tướng sinh khởi diệt, trừ tướng chính là lấy nghĩa trừ sinh trừ diệt, là vui vắng lặng. Sinh là khởi tướng Niết-bàn vô sinh, cho nên chẳng lệ với ở đây.

Vượt qua mười hai kiếp: Các kinh Xuất diệu, Phật Tạng đều nói là vượt chín kiếp.
Hoặc có chỗ cho rằng vì nhân duyên khác nhau, nên Phật nói có thêm bớt.
Từ câu “Này Thiện nam v.v...” trở xuống là dẫn chứng nay.

